## **BÀI 23- KINH TẾ NHẬT BẢN**

**I. Tình hình phát triển kinh tế.**

***- Tình hình phát triển***

+ Từ năm 1945 đến năm 1973:

* Sau Chiến tranh thế giới thứ hai: nền kinh tế bị tàn phá nặng nề.
* Giai đoạn 1952 – 1973: nền kinh tế phục hồi.

+ Từ năm 1973 đến nay:

* Năm 1973: Nhật Bản suy thoái kinh tế do cuộc khủng hoảng dầu mỏ.
* Giai đoạn 1980 – 1989: vị trí nền kinh tế Nhật Bản tăng nhanh mạnh mẽ.
* Sau năm 1990: kinh tế không ổn định.
* Từ năm 2010 đến nay: nền kinh tế phục hồi, nền kinh tế đứng thứ ba thế giới.

***- Quy mô, cơ cấu GDP***

+ Quy mô kinh tế lớn.

+ Tốc độ tăng trưởng có sự biến động.

+ Cơ cấu GDP có sự chuyển dịch:

* Ngành nông – lâm – thủy và ngành công nghiệp – xây dựng có xu hướng giảm.
* Ngành dịch vụ đóng vai trò quan trọng và chiếm tỉ trọng lớn nhất.

***- Nguyên nhân phát triển***

+ Phát huy được yếu tố nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao, tận tụy công việc.

+ Chú trọng và ứng dụng những tiến bộ khoa học – kĩ thuật.

+ Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng: phát triển công ty có kĩ thuật tiên tiến, vừa phát triển công ty nhỏ, truyền thống.

+ Mở rộng thị trường trong nước, đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

**II. Một số ngành kinh tế**

**II. Một số ngành kinh tế**

**1. Công nghiệp**

*Nhật Bản có ngành công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới.*

***- Tình hình phát triển***

+ Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng.

+ Ngành công nghiệp chế tạo là ngành giữ vị trí quan trọng.

+ *Ngành công nghiệp ô tô*: là động lực chính trong ngành công nghiệp chế tạo với những thương hiệu nổi tiếng như Toyota, Honda….

+ *Ngành công nghiệp sản xuất rô – bốt*: là ngành mũi nhọn của Nhật Bản với thiết kế nhỏ gọn, linh hoạt giúp thay thế sức lao động của con người.

+ *Ngành công nghiệp điện tử - tin học*: phát triển với các sản phẩm như tivi, máy quay phim với các thương hiệu lớn như Canon, Casio…

- ***Phân bố trung tâm công nghiệp***

***+*** Tập trung cao ở ven biển, phần lớn trên đảo Hôn – su.

+ Một số trung tâm công nghiệp lớn như Tô – ky – ô, Na – gôi – a, Cô – be…

**2. Nông nghiệp**

******

****

**3. Dịch vụ**

***a) Thương mại***

***\*Tình hình phát triển ngành nội thương Nhật Bản***

***-*** *Thị trường tiêu dùng nội địa rộng lớn.*

*- Mạng lưới các cửa hàng truyền thống và cửa hàng tiện lợi phân bố rộng*

*→ Phục vụ nhu cầu của người dân.*

***\*Vai trò của ngành ngoại thương Nhật Bản.***

*Ngành ngoại thương có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế Nhật Bản.*

*- Nước xuất khẩu lớn thứ 4 trên thế giới.*

*- Nước nhập khẩu hàng hóa lớn thứ 5 trên thế giới.*

***\*Các mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu của Nhật Bản.***

*- Mặt hàng xuất khẩu: động cơ kinh kiện và phụ tùng ô tô, hóa chất, sản phẩm và linh kiện điện tử - điện thoại, máy móc và thiết bị cơ khí.*

*- Mặt hàng nhập khẩu: nhiên liệu (dầu mỏ, khí tự nhiên, than…), thực phẩm, hóa chất, hàng dệt may, nguyên liệu thô…*

***\*Các bạn hàng xuất khẩu và nhập khẩu của Nhật Bản.***

*- Bạn hàng xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc…*

*- Bạn hàng nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc, Hàn Quốc,Thái lan,Ô – xtrây – li – a….*

***b) Ngành giao thông vận tải Nhật Bản.***

*- Ngành giao thông vận tải ở Nhật Bản phát triển nhanh*

*- Chất lượng tốt.*

*- Áp dụng công nghệ hiện đại bậc nhất thế giới.*

 ***\*Tình hình phát triển của các loại hình giao thông vận tải (đường sắt, đường bộ, đường biển, đường hàng không) ở Nhật Bản.***

*- Đường sắt:*

*+ Phương tiện chiếm ưu thế trong vận tải hành khách nội địa của Nhật Bản.*

*+ Mạng lưới đường sắt phân bố tập trung ở thành phố lớn và các vùng đô thị Nhật Bản.*

*+ Hệ thông tàu cao tốc Sin – can – sen có tốc độ cao, kết nối các thành phố lớn.*

*- Đường bộ và đường biển:*

*+ Đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hàng hóa Nhật Bản.*

*+ Nhật Bản có hơn 1,2 triệu km đường bộ, chiếm hơn 90% khối lượng vận tải hàng hóa.*

*- Đường biển: ý nghĩa quan trọng trong vận tải quốc tế.*

*- Đường hàng không:*

*+ Phát triển phục vụ nhu cầu đi lại giữa các vùng trong nước.*

*+ Đáp ứng nhu cầu thương mại, đầu tư và du lịch quốc tế.*

***\*Một số cảng biển và sân bay lớn của Nhật Bản.***

*- Cảng biển: Cô – be, Na – gôi – a, Y – ô – cô – ha – ma, Ô – xa – ca….*

*- Sân bay: Ha – nê – đa, Na – ri – ta, Chu – bu, Can – sai…*

***c) Ngành du lịch Nhật Bản.***

*- Nhiều phong cảnh đẹp.*

*- Các công trình kiến trúc độc đáo.*

*- Lịch sử, văn hóa lâu đời.*

***\*Vai trò của ngành du lịch trong nước ở Nhật Bản.***

***-*** *Ngành du lịch phát triển thu hút lượng khách.*

*- Đem lại doanh thu lớn cho nền kinh tế Nhật Bản.*

***\*Du lịch quốc tế phát triển nhanh trong những năm gần đây ở Nhật Bản.***

*- Lượng khách du lịch quốc tế có tốc độ tăng trưởng nhanh.*

*- Lượng khách quốc tế Nhật Bản tăng nhanh, từ hơn 6 triệu lượt khách (2011) và đạt gần 31,8 triệu khách (2019).*

*- Lượng khách quốc tế của Nhật Bản chủ yếu là các nước Châu Á: Trung Quốc, Hàn Quốc…*

**III. Các vùng kinh tế**

***CÁC VÙNG KINH TẾ NHẬT BẢN***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đặc điểm nổi bật*** | ***Vùng kinh tế Hôn – su****(Diện tích: 231 235 km²)*  |
| ***Điều kiện phát triển*** | *- Diện tích lớn nhất (chiếm 61% diện tích lãnh thổ).* *- Tập trung hầu hết các thành phố lớn của Nhật Bản.**- Khí hậu phân hóa đa dạng, đường bờ biển dài với nhiều vịnh.* *- Cơ sở hạ tầng hiện đại.*  |
| ***Công nghiệp*** | ***Ngành công nghiệp quan trọng*** | *Hóa chất, điện tử - tin học, hóa dầu, đóng tàu…* |
| ***Trung tâm công nghiệp*** | *Phân bố ở phía nam đảo dọc theo bờ biển Thái Bình Dương như Tô – ky – ô. Y – ô – cô – ha – ma…* |
| ***Nông nghiệp*** | ***Sản phẩm nổi bật*** | *Sản xuất lúa gạo lớn, chè, đậu tương, hoa quả, chăn nuôi bò* |
| ***Phân bố chủ yếu*** | *Phân bố ở Hi – rô – si – ma, Xen – đai, A – ki – ta…* |
| ***Dịch vụ*** | *Phát triển như du lịch, thương mại, tài chính giao thông vận tải…* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đặc điểm nổi bật*** | ***Vùng kinh tế Hô – cai - đô****(Diện tích: 83 424 km²)*  |
| ***Điều kiện phát triển*** | *- Diện tích rừng lớn, chiếm gần ¼ diện tích đất nông nghiệp Nhật Bản.* *- Khí hậu bốn mùa rõ rệt.* *- Vùng biển có nhiều ngư trường lớn, mật độ dân số thấp.*  |
| ***Công nghiệp*** | ***Ngành công nghiệp*** ***quan trọng*** | *Khai thác và chế biến gỗ, sản xuất giấy, thực phẩm, khai thác than, luyện kim đen.* |
| ***Trung tâm công nghiệp*** | *Trung tâm công nghiệp như Xáp – pô – rô, Mu – rô – ran…* |
| ***Nông nghiệp*** | ***Sản phẩm nổi bật*** | *Lúa mì, đậu tương, củ cải đường, thịt bò…* |
| ***Phân bố chủ yếu*** | *Phân bố ở Ô – bi – hi – rô, , Xáp – pô – rô..* |
| ***Dịch vụ*** | *Phát triển với nhiều loại hình hoạt động thu hút du khách như tham quan suối nước nóng, công viên quốc gia, các môn thể thao mùa đông.*  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đặc điểm nổi bật*** | ***Vùng kinh tế Kiu - xiu****(Diện tích: 42 230 km²)*  |
| ***Điều kiện phát triển*** | *- Nằm gần ở với các quốc gia ở Châu Á.* *- Khí hậu cận nhiệt đới, lượng mưa lớn.* *- Đất nông nghiệp màu mỡ.*  |
| ***Công nghiệp*** | ***Ngành công nghiệp*** ***quan trọng*** | *Sản xuất ô tô, hóa chất, sản xuất kim loại…* |
| ***Trung tâm công nghiệp*** | *Trung tâm công nghiệp Phu – cu – ô – ca, Na – ga – xa – ki, Ô – I - ta* |
| ***Nông nghiệp*** | ***Sản phẩm nổi bật*** | *Chè, lúa, gạo, thuốc lá, đậu tương và cây ăn quả.*  |
| ***Phân bố chủ yếu*** | *Phân bố ở miền Đông Nam* |
| ***Dịch vụ*** | *Phát triển hoạt động thương mại, giao thương quốc tế.*  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đặc điểm nổi bật*** | ***Vùng kinh tế Xi – cô - cư****(Diện tích: 18 803 km²)*  |
| ***Điều kiện phát triển*** | *- Đường bờ biển với nhiều phong cảnh đẹp.* *- Khí hậu cận nhiệt đới.* *- Lưu giữ lịch sử lâu đời, nhiều công trình cổ kính, lễ hội…*  |
| ***Công nghiệp*** | ***Ngành công nghiệp quan trọng*** | *Chủ yếu là công nghiệp thực phẩm, hóa chất…* |
| ***Trung tâm công nghiệp*** | *Trung tâm công nghiệp là Cô - chi* |
| ***Nông nghiệp*** | ***Sản phẩm nổi bật*** | *Cây trồng chính là chè, cây ăn quả…* |
| ***Phân bố chủ yếu*** | *Phân bố ở vùng đồng ven biển* |
| ***Dịch vụ*** | *Phát triển du lịch, các nét đẹp văn hóa truyền thông.*  |